TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM XUYÊN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Kỳ
Ông Trần Hữu Dương

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Trần Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1972, có mặt.
Trú tại: Thôn 3, xã Cẩm D, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh
2. Bị đơn: Ông Chu Văn T, sinh năm 1960, có mặt.
Trú tại: Thôn 3, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị Đ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Bà Phan Thị Đ và ông Chu Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh ngày 04/4/2006, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên chửi bới, xúc phạm, có hành vi bạo lực và coi thường bà. Từ năm 2011 đến nay vợ chồng sống ly thân, bà về nhà mẹ đẻ tại thôn 3, xã Cẩm D ở, thời gian gần đây vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Chu Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Chu Văn T trình bày: Vợ chồng có

đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện như bà Đ trình bày. Hiện nay ông không còn tình cảm gì đối với bà Đ, vì bà Đ đã có hành vi ngoại tình, không chung thủy, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Chưa có con chung; về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh tụng đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tham gia tố tụng có mặt; Tòa án đã tiến hành tống đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phan Thị Đ và ông Chu Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Phan Thị Đ được ly hôn ông Chu Văn T; vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Buộc bà Phan Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Chu Văn T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Chu Văn T có nơi cư trú tại thôn 3, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phan Thị Đ và ông Chu Văn T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 04/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà Đ nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên chửi bới, xúc phạm, có hành vi bạo lực và coi thường bà. Từ năm 2011 đến nay vợ chồng sống ly thân, bà về nhà mẹ đẻ tại thôn 3, xã Cẩm D ở, thời gian gần đây vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn. Quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Chu Văn T cho rằng bà Đ đã có hành vi ngoại tình, không chung thủy, ông không còn tình cảm gì với bà Đ, ông cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau… nhưng hôn nhân giữa bà Phan Thị Đ và ông Chu Văn T không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Đ, xử cho bà được ly hôn với ông Chu Văn T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Bà Phan Thị Đ ly hôn với ông Chu Văn T.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên theo biên lai thu tiền số 0002881 ngày 10/01/2020. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm bà Đ đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- UBND xã Cẩm D;
- UBND xã Cẩm T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hoàng